TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 8 - 2023.
V/v tranh chấp: *Ly hôn giữa bà H và ông T.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Sáu**
2. Bà **Nguyễn Thị Tài**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày **02** tháng **8** năm **2023** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự.

**** Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Thôn Đông La 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

**** Bị đơn***: Ông **Nguyễn Công T**, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Thôn Đông La 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Công T trình bày:

** Về hôn nhân:*

Bà H và ông T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 12/6/2012. Hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới.

Bà H cho rằng: Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn và đánh nhau, gần đây nhất là ông T nhậu nhẹt,

say sỉn và chửi tục, lăng mạ, bôi nhọ danh dự và nhân phẩm của bà H, bà H đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Còn ông T thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên không đồng ý ly hôn.

** Về con chung:* Bà H trình bày vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo C1, sinh ngày 04/11/2012 và cháu Nguyễn Công C2, sinh ngày 06/7/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay 02 con chung với bà H. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nhận nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên; Bà H không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn ông T cho rằng do ông không đồng ý ly hôn nên ông không yêu cầu giải quyết về con chung.

** Về tài sản chung:* Bà H và ông T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về nợ chung:* Bà H và ông T trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Công T;

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà H về việc nhận nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên; Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về tài sản chung: Bà H và ông T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

- Về nợ chung: Bà H và ông T trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

- Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc tranh chấp "*Ly hôn*" với ông Nguyễn Công T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39

của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Công T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 12/6/2012. Hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hoàn toàn hợp pháp.

Bà H cho rằng: Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn và đánh nhau, gần đây nhất là ông T nhậu nhẹt, say sỉn và chửi tục, lăng mạ, bôi nhọ danh dự và nhân phẩm của bà H, bà H đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T. Còn ông T thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên không đồng ý ly hôn. Tòa án đã xác minh tại chính quyền địa phương về mâu thuẫn của vợ chồng bà H và ông T như bà H đã trình bày là hoàn toàn đúng sự thật. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, xử cho bà H được ly hôn với ông T.

[2.2] Về con chung: Bà H trình bày vợ chồng chung sống có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo C1, sinh ngày 04/11/2012 và cháu Nguyễn Công C2, sinh ngày 06/7/2014. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nhận nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên, còn ông T cho rằng do ông không đồng ý ly hôn nên ông không yêu cầu giải quyết về con chung.

Xét thấy, hiện nay các con chung đang còn nhỏ, quá trình giải quyết vụ án ông T cho rằng ông không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung, không thể hiện nguyện vọng có muốn nhận nuôi dưỡng các con chung hay không, trong khi bà H cho rằng mình có đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; hai con chung cũng có nguyện vông mong muốn được ở với bà H. Vì vậy, để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của các con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà H về việc nhận nuôi con chung; giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo C1 và cháu Nguyễn Công C2 cho bà H có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung: Bà H và ông T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.5] Về nợ chung: Bà H và ông T trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.6] Về án phí: Bà H tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*". Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Công T về việc tranh chấp "*Ly hôn*".

Xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Công T.

2/ Về con chung:

Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo C1, sinh ngày 04/11/2012 và cháu Nguyễn Công C2, sinh ngày 06/7/2014 cho bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Công T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Công T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

4/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012713 ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/8/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện B;*
- *UBND xã L, huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường